

Bản án số: 20/2026/HS-ST

Ngày: 30/01/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Lê Thanh Nhân**

ông Nguyễn Văn Quýnh

- Thư ký phiên tòa: ông **Vũ Hoàng Anh**, Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Phụng**, Kiểm sát viên.

- Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

+ ông **Phạm Xuân T** – Chuyên viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh

+ bà **Nguyễn Phương T1** – Thư ký viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh và điểm cầu thành phần: Phân trại tạm giam M – Trại tạm giam công an tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc C; tên gọi khác: không; sinh ngày 10/02/1964, tại xã C, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị S; vợ: Nguyễn Thị N (đã ly hôn), con: có 02 (hai) con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989; tiền án: năm 2022 bị Toà án nhân dân huyện Hải Hà (cũ) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2024 bị Toà án nhân dân huyện Tiên Yên (cũ) xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; nhân thân: năm 1994 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng ninh xử phúc thẩm 06 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng” và 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Năm 1999 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phúc thẩm 18 tháng tù về tội “Huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”. Năm 2005 bị Toà án quân sự Khu vực 1 – Quân khu C2 xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2007 bị Toà án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2010 bị Toà án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2013 bị Toà án nhân dân huyện Hải Hà xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” ; bị cáo đầu thú ngày 29/10/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q - có mặt.

- Bị hại: anh **Nguyễn Văn T2**, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - + Anh **Lê Văn D1**, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
 - + Anh **Vũ Đình C1**, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Người làm chứng: ông **Đỗ Trung K**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án thể hiện:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/10/2025, Nguyễn Quốc C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 14K1-206.06 (là xe C thuê của anh Vũ Đình C1) đi đến khu vực thôn Q, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Khi đi trên đường, C phát hiện một chiếc xe thùng kéo ba bánh tự chế của gia đình anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988, trú tại thôn Q, xã Đ, để ở ven đường, không có người trông coi. Do đó, C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để làm phương tiện phục vụ sinh hoạt cá nhân. C đã buộc chiếc xe thùng ba bánh vào phía sau xe mô tô biển kiểm soát 14K1-206.06 rồi kéo xe đi khỏi hiện trường, đưa về khu vực xã Q và phường M, tỉnh Quảng Ninh để sử dụng.

Đến ngày 27/10/2025, C trả lại xe mô tô đã thuê cho anh C1 và tiếp tục để chiếc xe thùng ba bánh tại khu vực gầm cầu K. Ngày 28/10/2025, C đến cửa hàng sửa xe của anh Lê Văn D1, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, mua một xe mô tô nhãn hiệu MILKYWAY, biển kiểm soát 14P2-1966, với giá 2.300.000 đồng; C mới thanh toán trước 2.000.000 đồng nên được anh D1 cho sử dụng xe, hẹn khi trả đủ tiền sẽ hoàn tất thủ tục mua bán theo quy định. Đến trưa ngày 29/10/2025, C sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 14P2-1966 để kéo chiếc xe thùng ba bánh nêu trên từ phường M, tỉnh Quảng Ninh về xã Q. Cùng ngày, anh Nguyễn Văn T2 phát hiện sự việc đã đến cơ quan Công an trình báo. Sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Quốc C đã đến Công an xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đầu thú và giao nộp lại tài sản đã chiếm đoạt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Đ, tỉnh Quảng Ninh số 01/KL-HĐĐG ngày 05/11/2025 kết luận: Giá trị tài sản là chiếc xe thùng kéo ba bánh bị cáo C chiếm đoạt ngày 26/10/2025 là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Bị hại anh Nguyễn Văn T2 trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai thể hiện về việc gia đình anh bị mất chiếc xe thùng kéo ba bánh vào ngày 26/10/2025. Anh T2 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, đến nay anh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh Lê Văn D1 và anh Vũ Đình C1 trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai phù hợp với tài liệu điều tra và nội dung vụ án.

Bản Cáo trạng số: 50/CT-VKSMC ngày 07/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc C, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2025.

Về hình phạt bổ sung: không.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 tờ bìa cứng, mặt trên có chữ “cho thuê xe máy”; Trả lại bị cáo 01 căn cước công dân số 033064012542 mang tên Nguyễn Quốc C.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Quốc C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 26/10/2025, tại thôn Q, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Quốc C có hành vi trộm cắp 01 xe thùng kéo ba bánh trị giá 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn T2.

Tại Bản án số 12/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh (cũ), bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm. Tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Quốc C đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở

hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo đã nhiều lần phạm tội bị đi cải tạo nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, nên phải xử lý nghiêm bị cáo trước để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi biết được việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ra đầu thú, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập nên không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Chiếc xe thùng kéo ba bánh tự chế đã trả cho bị hại. Nên Hội đồng xét xử không xem xét

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu MILKYWAY, BKS 14P2-1966, màu đỏ đen đã trả lại cùng đăng ký xe cho anh D1. Nên Hội đồng xét xử không xem xét

- 01 (một) căn cước số 033064012542 mang tên Nguyễn Quốc C là giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 tờ bìa cứng, mặt trên có chữ “cho thuê xe máy”, Đỉnh C1 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì nên không xét.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc C** 30 (ba mươi) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2025.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho Nguyễn Quốc C 01 căn cước số 033064012542 mang tên Nguyễn Quốc C.

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 tờ bìa cứng, mặt trên có chữ “cho thuê xe máy”, Đình C1.

(Các tài liệu trên được chuyển giao cho phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6 – Quảng Ninh kèm theo Bản án)

3. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Quốc C.

4. Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1, khoản 3 Điều 333; khoản 1 Điều 336 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Ninh;
- Phòng PV 06 Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương